

Bản án số 86/2024/DS-PT

Ngày 16 – 4 – 2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Ông Cao Văn Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Nguyễn Văn Hưng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16-4-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 217/2023/TLPT-DS ngày 22-11-2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2023/DS-ST ngày 15-9-2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2024/QĐ-PT ngày 22-02-2024; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Đậu Thị Thái N**, sinh năm 1983; Địa chỉ: 72/8 E, phường F, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại A**; trụ sở: Số 163 G, quận H, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: 113/6 I, phường K, quận M, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Minh T - Chức vụ: Giám đốc; có mặt.

* *Người giám định:* Công ty TNHH giám định C; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Sỹ Minh T1, chức vụ: Giám đốc; Giám định viên tư pháp; địa chỉ: 121 N, phường O, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* *Người kháng cáo:* Bị đơn - Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - bà Đậu Thị Thái N trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án:*

Vào ngày 02-5-2022, tôi và Công ty Cổ phần XD&TM A đã ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 83/2022/HĐKT/AQVINA để thi công xây dựng Nhà ở tư nhân tại thửa đất số 7XX, tờ bản đồ số 1X, diện tích đất 44,3m², diện tích xây dựng 88.6m² tại địa chỉ K442-H42/16A đường P, phường Q, quận H, thành phố Đà Nẵng theo giá trị thi công trọn gói, với tổng giá trị hợp đồng là 585.000.000 đồng. Theo hợp đồng các bên cũng thỏa thuận cụ thể về tiến độ thi công, phương thức tạm ứng và thanh quyết toán công trình.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần XD&TM A đã thực hiện việc tạm ứng theo khối lượng công trình với số tiền là 285.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc thi công công trình không được Công ty Cổ phần XD&TM A thực hiện theo đúng chất lượng, khối lượng công việc theo cam kết, vi phạm rất nhiều lỗi thi công, sai sót nhiều so với thiết kế và sử dụng chủng loại vật liệu không đúng theo thỏa thuận của các bên.

Để thực hiện đúng hợp đồng, nhanh chóng hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, tôi đã có văn bản đề nghị Công ty Cổ phần XD&TM A khắc phục các lỗi thi công, sửa chữa sai sót so với thiết kế và sử dụng chủng loại vật liệu đúng theo cam kết nhưng Công ty Cổ phần XD&TM A không đồng ý khắc phục. Nhằm thương lượng và tìm ra phương án giải quyết, tôi cũng có văn bản đề nghị Công ty Cổ phần XD&TM A hợp với chủ đầu tư chủ nhà và kỹ sư tư vấn giám sát công trình để khắc phục lỗi nhưng đơn vị thi công không hợp tác, khắc phục, không tham gia dự họp (có biên bản kèm theo). Tuy công trình chưa thực hiện việc đổ sàn tầng 2 nhưng Công ty Cổ phần XD&TM A đã tiếp tục có đề nghị thanh toán với số tiền 572.757.872 đồng (vượt cả số tiền chủ đầu tư phải thanh toán với toàn bộ công trình, sau ký trừ số tiền bảo hành). Hiện nay, Công ty Cổ phần XD&TM A đã hoàn toàn dừng thi công tại công trình.

Nay tôi yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt Hợp đồng thi công xây dựng số 83/2022/HĐKT/AQVINA ngày 02-5-2022 giữa bà N và Công ty cổ phần xây dựng và thương mại A.

- Buộc Công ty cổ phần xây dựng và thương mại A phải chịu trách nhiệm thanh toán cho bà N các khoản tiền gốc, lãi, phạt và bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng với số tiền là 143.000.000 đồng. Cụ thể:

- Hoàn trả khoản tiền chênh lệch đã nhận theo Hợp đồng nhưng chưa thực hiện (tạm ứng tiền vượt với khối lượng thực hiện = 285.000.000 đồng – 240.000.000 đồng) là 45.000.000 đồng.

- Thanh toán khoản tiền phạt vi phạm tương đương 8% x (585.000.000 đồng – 285.000.000 đồng) = 24.000.000 đồng.

- Bồi thường chi phí khắc phục, sửa chữa các sai sót theo thiết kế được cấp phép là 74.000.000 đồng.

Theo yêu cầu của tôi, Tòa án trung cầu giám định đối với Công ty Giám định C. Kết quả đã được Tòa án công bố trong phiên công khai chứng cứ và hòa giải. Trên cơ sở đồng ý với kết quả giám định và quy định của pháp luật, tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu: buộc Bị đơn phải “thanh toán khoản tiền phạt vi phạm tương đương 8% (tám phần trăm) giá trị vi phạm, với tổng số tiền là: $8\% \times (585.000.000 \text{ đồng} - 285.000.000 \text{ đồng}) = 24.000.000 \text{ đồng}$ ”.

Sau khi rút một phần yêu cầu khởi kiện, tôi đề nghị Tòa án xem xét đối với các yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

Yêu cầu Tòa án xem xét, tuyên bố chấm dứt Hợp đồng thi công xây dựng số: 83/2022/HĐKT/AQVINA, ngày 02-5-2022 do bị đơn phương chấm dứt thực hiện (theo quy định tại Điều 424 Bộ luật dân sự).

Buộc Công ty Cổ phần XD&TM A phải chịu trách nhiệm thanh toán cho tôi các khoản tiền gốc và bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng dẫn đến việc bị đơn phương chấm dứt hợp đồng; cụ thể gồm:

Hoàn trả khoản tiền chênh lệch đã nhận theo Hợp đồng nhưng chưa thực hiện (tạm ứng vượt số với khối lượng thực hiện = 285.000.000 đồng - 201.671.000 đồng) là: 83.329.000 đồng;

Bồi thường chi phí khắc phục, sửa chữa các sai sót theo thiết kế được cấp phép: 36.667.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu Tòa án xem xét buộc Công ty Cổ phần XD&TM A phải chịu trách nhiệm thanh toán là: 119.996.000 đồng.

** Bị đơn - Công ty cổ phần xây dựng và thương mại A trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:*

Bị đơn không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công ty Cổ phần XD & TM A chúng tôi có ký với bà Đậu Thị Thái N hợp đồng xây dựng Số: 83/2022/HĐKT/AQVINA tại K442-H42/16A P, phường Q, quận H, Đà Nẵng. Hợp đồng xây dựng được ký dưới hình thức trọn gói m2 sàn hoàn thiện đơn giá là: 6.500.000đ/1m2 sàn bao gồm thi công từ móng đến mái (Chưa tính đập phá, dọn dẹp mặt bằng), kết cấu nhà khung bê tông cốt thép (BTCT) chịu lực, móng đơn BTCT, khung sàn cột, dầm BTCT chịu lực, xây tường gạch 6 lỗ bao che (Hợp đồng kèm theo). Cả hai đã thống nhất theo bản vẽ cấp phép xây dựng để thi công vì bản vẽ một số kết cấu và chi tiết chưa được hoàn thiện nên làm từ móng đến mái cùng nhau thống nhất hoàn thiện trong suốt quá trình thi công (Chủ đầu tư kết hợp với chủ nhà thầu cùng nhau làm đến đâu thống nhất đến đó để hoàn thiện hoàn thành).

Với diện tích tổng diện tích 2 sàn là: $44\text{m}^2 \times 2 \text{ sàn tạm tính loga} = 90\text{m}^2$
 $\times 6.500.000\text{đ} = 585.000.000 \text{ đồng}$

Toàn sàn bao gồm nội dung công việc sau:

- Phần móng: Đào đất, đổ bê tông lót, đà kiềng, dầm, ... (Bảng cam kết công việc chi tiết).

- Phần thân: GCLD cốt pha cột, dầm sàn..T1, T2... (Bảng cam kết công việc chi tiết).

- Phần hoàn thiện: Tô, trát, ốp lát, trần thạch cao..... (Bảng cam kết công việc chi tiết).

- Phần điện, nước: Lắp đặt điện nguồn, các phòng bóng đèn tuýp, bệt, chậu, vòi hương sen, ... (Bảng cam kết công việc chi tiết).

Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán tiền khối lượng cho bên B dựa trên cơ sở khối lượng hoàn thành thực tế từng giai đoạn mà bên B đã thực hiện, cụ thể như sau:

Sau khi ký hợp đồng bên A tạm ứng bên B là 180.000.000 đồng (*một trăm tám mươi triệu đồng*). Thời gian chuyển tiền không quá 3 ngày kể từ ngày ký.

Lần 1: Sau khi bên B đổ mái tầng 1 bên A thanh toán cho bên B là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Lần 2: Sau khi đổ mái xong bên A thanh toán bên B là 100.000.000 đồng.

Lần 3: Sau khi bên B xây tô trát xong tầng 1, 2 bên A thanh toán bên B là 100.000.000 đồng.

Lần 4: Sau khi ốp lát, sơn bả xong, chống thấm mái bằng sika, lát chống nóng xong bên A thanh toán bên B là: 50.000.000 đồng.

Lần 5: Sau khi làm hồ sơ quyết toán khối lượng hoàn thành, bên A thanh toán bên B với số tiền còn lại theo hợp đồng nếu có phát sinh, thanh toán kèm theo khối lượng phát sinh thực tế.

Bên A sẽ giữ lại 5% giá trị hợp đồng tương đương số tiền là 29.000.000 đồng là tiền bảo hành. Sau 6 tháng bên A sẽ thanh toán cho bên B số tiền trên.

Trong suốt quá trình thi công từ móng đến mái, đơn vị chúng tôi thi công đến phần công việc nào từ dọn dẹp mặt bằng, đào móng, động thổ, rồi đổ BTCT móng xong hạng mục nào chủ nhà kiểm tra từng phần và được chấp nhận chúng tôi mới được triển khai các công việc tiếp theo (Các công tác như cún động thổ, kiểm tra nghiệm thu công việc thực tế chủ nhà và em trai bà N là chú Văn kỹ sư xây dựng đến kiểm tra nghiệm thu được mới cún và cho làm các công tác tiếp theo).

Công ty chúng tôi đã chấp hành thi công theo ý chủ nhà và em trai chủ nhà. Chúng tôi đã hoàn thành đang ghép cốt pha tầng 2 chuẩn bị đổ bê tông tầng 2 thì bà N yêu cầu dừng công trình vì thay đổi thiết kế cầu thang và nói đơn vị tôi làm không đúng thiết kế. Trong quá trình thi công, đơn vị chúng tôi đã tôn trọng và bàn bạc kỹ với chủ nhà những vấn đề thiết kế chưa hợp lý và bên Chủ đầu tư quyết định đồng ý thì đơn vị tôi mới được tiếp tục thi công. Bà N yêu cầu tôi thay đổi thiết kế bậc cầu thang từ 22 bậc xuống còn 21 bậc, và sự thay đổi cầu thang đơn vị tôi cũng đã yêu cầu bên chủ nhà cấp bản vẽ chi tiết cầu thang

nhưng không có. Tôi cũng đã bàn bạc với em trai chú V là kỹ sư xây dựng để biết tại sao cầu thang sai và thay đổi và chú V cũng đồng ý theo sự tính toán hợp lý của đơn vị tôi đến khi nghiệm thu đổ bê tông dầm sàn, cầu thang tầng 1 bên chủ nhà đã kiểm tra và đã đồng ý cho đơn vị chúng tôi đổ bê tông nên tôi không đồng ý với ý kiến bà N.

Đến khi bà N yêu cầu làm lại cầu thang chúng tôi cũng chấp nhận làm lại cho bà N với thỏa thuận là mỗi bên chịu một nửa 50% chi phí đập phá và chi phí vật tư làm lại cầu thang và đơn vị tôi cũng đã chấp nhận thiệt thòi và đồng ý chấp nhận để công việc thuận lợi, sau đó bà N tiếp tục thay đổi điều khoản thanh toán hợp đồng không hợp lý đó là thay đổi lịch trình thanh toán như sau: Bà N tự ý thay đổi điều khoản thanh toán, cố tình cắt giảm tiền thanh toán đợt 2 từ 100 triệu xuống 60 triệu ở lịch trình thanh toán đợt 2 và bắt đơn vị tôi làm xong và hoàn thiện gần xong công trình mới thanh toán tiếp. Chúng tôi không đủ chi phí thi công nhân công và vật tư nên đơn vị tôi không chấp nhận yêu cầu bà N vì vậy chúng tôi không thể tiếp tục thi công cho bà N và yêu cầu bà N làm khối lượng thực tế thanh toán chấm dứt hợp đồng nhưng bà N cố tình không chốt khối lượng để cả hai bên so sánh chốt khối lượng và thanh toán cho chúng tôi mặc dù bên tôi đã gửi công văn, điện thoại bà N vẫn cố tình trốn tránh không chốt, làm thiệt hại nặng nề cho đơn vị chúng tôi cụ thể như sau: Cột pha phơi nắng mưa ngoài trời, tốn chi phí trông coi, ximăng để lâu chết.... Chúng tôi đã gửi công văn rất nhiều lần, gọi không nghe máy, nhắn tin không trả lời, đến nhà nhất định không gặp để làm rõ khối lượng vì vậy đơn vị chúng tôi đã lập khối lượng thực tế và những thiệt hại mà do bà N không chịu hợp tác chốt khối lượng để thanh toán, thanh lý hợp đồng. Cụ thể chi phí chúng tôi làm thực tế bao gồm giá trị khối lượng thực tế và giá trị thiệt hại khoảng thời gian từ 23-6-2022 đến 10-12-2022 bà N phải chịu tổng cộng là: 606.803.000 đồng.

Trong quá trình thi công đơn vị chúng tôi luôn kết hợp với bà N và em trai bà N là chú V là kỹ sư xây dựng thi công mặc dù không có biên bản nghiệm thu trực tiếp các công việc nhưng những công việc mà có sự thay đổi về kết cấu kiến trúc công trình đều được bàn bạc và thống nhất mới thi công (nhân chứng nhân công của đơn vị thi công và giấy tờ thảo luận, bản ghi âm kèm theo).

Đơn vị chúng tôi không thi công sai vì những vướng mắc tôi đã gửi yêu cầu chủ nhà và thống nhất cách làm đơn vị tôi mới thi công.

Ý kiến của tôi là bên nguyên đơn phải có bảng khối lượng để so sánh khối lượng với đơn vị thi công tạo điều kiện để hai bên xem xét cụ thể để đưa ra số liệu, dựa trên số liệu đó yêu cầu Tòa tiến hành hòa giải.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi biết kết quả trưng cầu giám định, Công ty cổ phần xây dựng và thương mại A không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên xét xử mà không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ.

* *Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2023/DS-ST ngày 15-9-2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40, Các Điều 147, 227, 228, 243, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 144; Điều 145; Điều 146 Luật xây dựng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị Thái N đối với Công ty Cổ phần XD&TM A.

- Tuyên bố Hợp đồng thi công xây dựng số: 83/2022/HĐKT/AQVINA, ngày 02-5-2022 giữa bà Đậu Thị Thái N với Công ty Cổ phần XD&TM A chấm dứt.

- Buộc Công ty Cổ phần XD&TM A phải thanh toán cho bà Đậu Thị Thái N số tiền là 101.662.500 đồng, trong đó tiền tạm ứng vượt so với khối lượng thực hiện là: 83.329.000 đồng, bồi thường chi phí khắc phục, sửa chữa các sai sót theo thiết kế được cấp phép: 18.333.500 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị Thái N về việc yêu cầu Công ty Cổ phần XD&TM A thanh toán số tiền phạt vi phạm tương đương $8\% \times (585.000.000 \text{ đồng} - 285.000.000 \text{ đồng}) = 24.000.000 \text{ đồng}$.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 18.333.500 đồng.

3. Về án phí:

- Công ty Cổ phần XD&TM A phải chịu 5.083.125 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đậu Thị Thái N phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 916.675 đồng. Bà Đậu Thị Thái N được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.575.000 đồng theo biên lai thu số 0000xxxx ngày 13-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Hoàn trả lại cho bà Đậu Thị Thái N 2.658.325 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ, nguyên đơn bà Đậu Thị Thái N đã tạm nộp (Đã chi). Do yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên cần buộc bị đơn Công ty Cổ phần XD&TM A phải thanh toán 1/2 chi phí này cho bà Đậu Thị Thái N tương ứng số tiền 1.500.000đ; bà Đậu Thị Thái N phải chịu 1/2 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, tương ứng với số tiền 1.500.000đ;

Chi phí trưng cầu giám định là 30.000.000 đồng, nguyên đơn bà Đậu Thị Thái N đã tạm nộp (Đã chi). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$, nên cần buộc bị đơn Công ty Cổ phần XD&TM A phải thanh toán $\frac{1}{2}$ chi phí này cho bà Đậu Thị Thái N với số tiền là 15.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

** Đơn kháng cáo:*

Ngày 18-10-2023, Công ty Cổ phần XD&TM A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nói trên và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo quy định pháp luật do các căn cứ xử lý hợp đồng xây dựng không đúng, giá trị tính toán khối lượng và công tác xây dựng không hợp lý, tính toán dự toán chi phí xây dựng thiếu vận chuyển bộ các ngạch gỗ thực tế.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần XD&TM A do không có căn cứ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Ngày 02-5-2022, bà Đậu Thị Thái N và Công ty Cổ phần XD&TM A (sau đây gọi tắt là Công ty A) đã ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 83/2022/HĐKT/AQVINA để thi công xây dựng Nhà ở tư nhân tại thửa đất số 7xx, tờ bản đồ số 1x, địa chỉ K442-H42/16A đường P, phường Q, quận H, thành phố Đà Nẵng với tổng giá trị hợp đồng là 585.000.000 đồng, thỏa thuận về tiến độ thi công, phương thức tạm ứng và thanh quyết toán công trình.

Thực hiện hợp đồng, Công ty A đã thi công công trình và tạm ứng với số tiền là 285.000.000 đồng.

Bà Đậu Thị Thái N trình bày Công ty A thi công không đúng chất lượng, khối lượng, vi phạm rất nhiều lỗi, sử dụng chủng loại vật liệu không đúng theo thỏa thuận và nay đã dừng thi công tại công trình. Do vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt Hợp đồng thi công xây dựng; Buộc Công ty A phải hoàn trả khoản tiền chênh lệch đã nhận theo Hợp đồng nhưng chưa thực

hiện 83.329.000 đồng; Bồi thường chi phí khắc phục, sửa chữa các sai sót theo thiết kế được cấp phép 36.667.000 đồng; Tổng cộng là 119.996.000 đồng.

Toà án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị Thái N đối với Công ty A; Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng thi công xây dựng; Buộc Công ty A thanh toán cho bà N 101.662.500 đồng, trong đó tiền tạm ứng vượt so với khối lượng thực hiện là 83.329.000 đồng, bồi thường là 18.333.500 đồng.

Công ty A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng phía công ty hoàn toàn không có sai phạm gì.

Phần quyết định khác của bản án sơ thẩm như tuyên bố chấm dứt hợp đồng, đình chỉ phần bà N rút yêu cầu không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực.

[2] Xét Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần XD&TM A:

[2.1] Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đậu Thị Thái N và Công ty A không có nghiệm thu, đối chiếu khối lượng công việc đã hoàn thành nên đề xem xét yêu cầu khởi kiện của bà N, Toà án cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định công trình tại Công ty TNHH Giám định C. Theo Báo cáo giám định của Công ty TNHH Giám định C ngày 26-5-2023 xác định: Giá trị nhà thầu đã thi công theo hợp đồng xây dựng là 201.671.000 đồng; Giá trị khắc phục các tồn tại không đảm bảo kỹ thuật và không đúng với bản vẽ thiết kế đã cấp phép là 36.667.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy đây là kết quả giám định của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực giám định chất lượng xây dựng công trình nên việc Toà án sơ thẩm sử dụng kết quả này của Công ty TNHH Giám định C để làm cơ sở giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của Công ty A đã được tiếp cận tài liệu này nhưng không có ý kiến phản hồi gì với Toà án.

[2.2] Công ty A đã tạm ứng của bà Đậu Thị Thái N số tiền là 285.000.000 đồng; giá trị đã thi công theo kết quả giám định là 201.671.000 đồng; như vậy, Công ty A phải hoàn trả lại cho bà N số tiền đã tạm ứng vượt giá trị đã thi công thực tế là 83.329.000 đồng.

[2.3] Cũng theo kết quả giám định trên thì giá trị khắc phục các tồn tại không đảm bảo kỹ thuật gồm có: phá, dỡ các công việc còn khiếm khuyết; khắc phụ trụ, dầm bị rỗ và khắc phục cầu thang theo bản vẽ thiết kế đã cấp phép tổng cộng là 36.667.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét cả hai bên đều trình bày thừa nhận về việc thi công có thay đổi so với thiết kế, bà Đậu Thị Thái N đã yêu cầu thay đổi thi công số bậc cầu thang từ 22 bậc theo Hồ sơ thiết kế cấp phép thành 21 bậc, Công ty A có yêu cầu bà N cung cấp bản vẽ thiết kế cụ thể về việc thay đổi này, bà N không cung cấp nhưng Công ty vẫn thi công không có thiết kế. Do vậy, thiệt hại xảy ra như kết quả giám định là lỗi thuộc về của cả hai bên. Về lỗi phần bê tông bị rỗ mặt như kết quả giá định nêu ra thì Công ty A xác định là đúng. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá mỗi bên phải chịu 50% giá trị

khắc phục các tồn tại không đảm bảo kỹ thuật và không đúng với bản vẽ thiết kế đã cấp phép là phù hợp, cụ thể 50% của 36.667.000 đồng là 18.333.500 đồng.

[2.4] Công ty A kháng cáo cho rằng căn cứ xử lý hợp đồng xây dựng không đúng, giá trị tính toán khối lượng và công tác xây dựng không hợp lý, dự toán chi phí xây dựng thiếu vận chuyển bộ các ngạch ngõ thực tế, tức chưa tính chi phí vận chuyển vật tư xây dựng từ đường chính vào tận công trình qua nhiều hẻm, kiệt là thiệt hại cho Công ty. Tuy nhiên, Công ty A không cung cấp được tài liệu gì chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty A, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.5] Án phí dân sự phúc thẩm Công ty A phải chịu do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

[3] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 144; Điều 145; Điều 146 Luật xây dựng;
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần XD&TM A;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2023/DS-ST ngày 15-9-2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị Thái N đối với Công ty Cổ phần XD&TM A.

-Tuyên bố Hợp đồng thi công xây dựng số: 83/2022/HĐKT/AQVINA, ngày 02-5-2022 giữa bà Đậu Thị Thái N với Công ty Cổ phần XD&TM A chấm dứt.

- Buộc Công ty Cổ phần XD&TM A phải thanh toán cho bà Đậu Thị Thái N số tiền là 101.662.500 đồng (*Một trăm lẻ một triệu, sáu trăm sáu mươi hai ngàn, năm trăm đồng*), trong đó tiền tạm ứng vượt so với khối lượng thực hiện là: 83.329.000 đồng, bồi thường chi phí khắc phục, sửa chữa các sai sót theo thiết kế được cấp phép: 18.333.500 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị Thái N về việc yêu cầu Công ty Cổ phần XD&TM A thanh toán số tiền phạt vi phạm tương đương $8\% \times (585.000.000 \text{ đồng} - 285.000.000 \text{ đồng}) = 24.000.000 \text{ đồng}$.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 18.333.500 đồng.

4. Về án phí:

- Công ty Cổ phần XD&TM A phải chịu 5.083.125 đồng (*năm triệu, không trăm tám mươi ba ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đậu Thị Thái N phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 916.675 đồng (*Chín trăm mười sáu ngàn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng*). Bà Đậu Thị Thái N được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.575.000 đồng theo biên lai thu số 0000xxxx ngày 13-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Hoàn trả lại cho bà Đậu Thị Thái N 2.658.325 đồng (*Hai triệu, sáu trăm năm mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi lăm đồng*)

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ, nguyên đơn bà Đậu Thị Thái N đã tạm nộp (Đã chi). Do yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên cần buộc bị đơn Công ty Cổ phần XD&TM A phải thanh toán 1/2 chi phí này cho bà Đậu Thị Thái N tương ứng số tiền 1.500.000đ (*Một triệu, năm trăm ngàn đồng*); bà Đậu Thị Thái N phải chịu 1/2 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, tương ứng với số tiền 1.500.000đ (*Một triệu, năm trăm ngàn đồng*);

Chi phí trưng cầu giám định là 30.000.000 đồng, nguyên đơn bà Đậu Thị Thái N đã tạm nộp (Đã chi). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên mỗi bên phải chịu 1/2, nên cần buộc bị đơn Công ty Cổ phần XD&TM A phải thanh toán 1/2 chi phí này cho bà Đậu Thị Thái N với số tiền là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*)

II. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần XD&TM A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001397 ngày 26-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, đã nộp đủ.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND Q.Hải Châu, TPĐN;
- Chi cục THADS Q.Hải Châu, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Thanh Mai